

Bản án số: 14/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 05 - 01 - 2022
V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – TP.HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Xuân Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Nguyên
- Ông Võ Hoàng Thu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Ông Đồng Văn Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1179/2020/TLST–HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2020 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 291/2021/QĐXXST–HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 255/2021/QĐST–HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1992
Địa chỉ: 3C58/2 Ấp A, xã P, huyện C, Thành phố H.
- Bị đơn:* Ông Võ Văn Đ, sinh năm 1987
Địa chỉ: 3C58/2 Ấp A, xã P, huyện C, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T trình bày:

Bà và ông Võ Văn Đ tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân năm 2010, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, Thành phố H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 114, quyển số 2010 ngày 12 tháng 10 năm 2010. Thời gian đầu bà và ông Đ chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do ông Đ có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, không có trách nhiệm với gia đình, không chăm lo vợ con. Bà có khuyên ngăn nhiều lần, nhưng ông Đ không thay đổi nên mâu thuẫn vợ chồng càng gay gắt và sống ly thân

từ tháng 02/2019 đến nay. Trong thời gian ly thân, ông Đ không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà mà ông Đ thường xuyên nhấc tin mắng chửi, nhục mạ bà. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn hàn gắn được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Bà và ông Đ chung sống với nhau có 02 con chung tên Võ Quốc Đ1, sinh ngày 12/7/2010, giới tính nam và Võ Quốc Đ2, sinh ngày 25/8/2014, giới tính nam. Hiện nay 02 con chung đang sống với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà xác nhận bà và ông Đ không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác nhận bà và ông Đ không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Võ Văn Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông Đ vẫn vắng mặt, không rõ lý do; ông Đ cũng không cung cấp cho Tòa án văn bản thể hiện ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà T nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Đ; yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con; và xác định không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Bị đơn ông Võ Văn Đ vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định.

Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim T đối với ông Võ Văn Đ. Bà Nguyễn Thị Kim T được ly hôn với ông Võ Văn Đ.

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Võ Quốc Đ1, sinh ngày 12/7/2010 và Võ Quốc Đ2, sinh ngày 25/8/2014 cho bà Nguyễn Thị Kim T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà T không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Võ Văn Đ. Đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn cư trú tại huyện Bình Chánh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Võ Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ.

[3]. Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 114, quyền số 2010 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, Thành phố H cấp ngày 12 tháng 10 năm 2010 thì hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Kim T và ông Võ Văn Đ là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo lời bà T trình bày thì bà và ông Đ phát sinh mâu thuẫn từ năm 2018, nguyên nhân là do ông Đ có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, không có trách nhiệm với gia đình. Bà đã khuyên ngăn nhiều lần, nhưng ông Đ vẫn không thay đổi mà còn đánh đập bà. Nay bà không còn tình cảm với ông Đ, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông Đ.

Đối với ông Đ, mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông Đ vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến phản hồi về việc yêu cầu ly hôn của bà T, chứng tỏ ông Đ không có thiện chí đoàn tụ.

Mặt khác, căn cứ kết quả xác minh tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông Đ tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, Thành phố H thì Ủy ban nhân dân xã không nắm rõ thông tin về cuộc sống hôn nhân của bà T và ông Đ.

Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông Đ đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên việc bà T xin ly hôn với ông Đ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2]. Về con chung: Bà T xác định bà và ông Đ có hai con chung tên Võ Quốc Đ1, sinh ngày 12/7/2010, giới tính nam và Võ Quốc Đ2, sinh ngày 25/8/2014, giới tính nam, hiện các con đang sống chung với bà T. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy, trẻ Đ1 và trẻ Đ2 hiện đang do bà T nuôi dưỡng và cả hai trẻ đều có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với bà T sau khi cha mẹ ly hôn. Vì vậy để bảo đảm quyền lợi mọi mặt của con chung cần giao trẻ Đ1 và trẻ Đ2 cho bà T được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[3.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà T trình bày bà và ông Đ không có tài sản chung và cũng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra để giải quyết.

[4]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 8, 9, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim T đối với ông Võ Văn Đ.

Bà Nguyễn Thị Kim T được ly hôn với ông Võ Văn Đ.

Giấy chứng nhận kết hôn số 114, quyển số 2010 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, Thành phố H cấp ngày 12 tháng 10 năm 2010 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Võ Quốc Đ1, sinh ngày 12/7/2010, giới tính nam và Võ Quốc Đ2, sinh ngày 25/8/2014, giới tính nam cho bà Nguyễn Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Bà Ta không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con chung có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi khi người không trực tiếp nuôi con đến thăm nom, chăm sóc con chung. Không ai có quyền cản trở quyền thăm nom con chung.

Người không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con khi cần thiết đôi bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Kim T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra để giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0080391 ngày 06/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND TP HCM;
- VKSND H.Bình Chánh;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Bùi Xuân Hương

